

Số: 52/QĐ-THS1MM

Mường Mươn, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của Trường tiểu học số 1 Mường Mươn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 337/QĐ-PGD ngày 31/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trường trong năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của Trường tiểu học số 1 Mường Mươn (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận thuộc trường tiểu học số 1 Mường Mươn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị sử dụng NS (HSCV)
- Website PGD&ĐT
- Lưu KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Ngân

Phạm Thị Ngân

Đơn vị: Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn
Chương: 622

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư
số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 404/QĐ-TT/HSTMM ngày 01/11/2024 của trường Tiểu học số 1 Mường mươn)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-179.671.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-182.540.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.869.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	